TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1271/2024/HC-PT
Ngày: 16 - 12 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết đinh bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất và hành vi hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

C*ác Thẩm phán:* Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Văn Khương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 640/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định thu hồi đất, quyết đinh bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất và hành vi hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2024/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3415/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Lê Ngô T – Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh K. Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố P.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tại: Số D, đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Lê Quốc T1. Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P: Ông Trần Quang L – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ1 (Nay là Công ty TNHH Đ1, gọi tắt là CityLand).

Địa chỉ: Số A P, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Mạnh H, chức danh: Tổng giám đốc (vắng mặt).

2. Công ty cổ phần Đ1 - Đảo P (Đ1).

Địa chỉ: số A đường N, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Huyền T2, chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1975 (có mặt);

- Bà Bùi Minh T3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Số B Â, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ2 (CityHouse).

Địa chỉ: Số A P, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T4, chức danh: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A P, phường E, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- ***Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Trịnh Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Trịnh Văn Đ*:*

Ông là chủ sử dụng hợp pháp các khu đất tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang như sau:

- Diện tích 33,32m^2 theo tờ trích đo địa chính TĐ 4242 -2021, loại đất CLN, nguồn gốc khai phá năm 1998, cất chòi thu mua hải sản.

- Thửa số 39, tờ bản đồ số 8, diện tích 4.790,80m^2, loại đất CLN, nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2015, giấy chứng nhận QSD đất số BV 543852 ngày 10/8/2015.

- Thửa số 129, tờ bản đồ số 8, diện tích 74,88m^2, loại đất CLN.

- Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 7, diện tích 418,80m^2, loại đất CLN-ONT (đất CLN 118,8m^2, đất ONT 300m^2.

- Diện tích 2.585,69m^2, loại đất CLN tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, nguồn gốc khai hoang từ năm 2010.

- Thửa số 3, tờ bản đồ số 7, diện tích 57,02m^2, loại đất CLN.

- Thửa số 9, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000,23m^2, loại đất CLN, nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 2015 của ông Huỳnh Văn K1 (tự khai hoang năm 1996).

Các khu đất trên được ông quản lý, khai thác và sử dụng liên tục, không tranh chấp. Bắt đầu từ năm 2018, ông nghe được thông tin về việc thu hồi các khu đất trên, nhưng không nhận được văn bản hay Quyết định chính thức từ cơ quan chức năng. Đầu năm 2022, ông nhận được Quyết định số 6891/QĐ-UBND của UBND thành phố P ký ngày 30/12/2021 về việc thu hồi lô đất có diện tích 33,32m^2, loại đất CLN (chưa có bản đồ địa chính).

Đến ngày 06/7/2022, ông nhận được giấy mời tham dự buổi làm việc tại UBND xã B vào ngày 08/7/2022 về việc tống đạt Quyết định số 3509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với phần đất diện tích 4.790,80 m^2.

Sau khi nhận Quyết định này, mặc dù ông nhiều lần liên hệ Ban tiếp dân của UBND thành phố P để làm việc và nộp đơn khiếu nại, nhưng đều bị từ chối. Do đó, ngày 27/7/2022 ông gửi Đơn khiếu nại qua đường bưu điện (có báo phát). Nhưng sau đó chưa đầy 01 ngày, lực lượng cưỡng chế đã tiến hành đưa người đến vây quanh và rào chắn lại khu đất có diện tích 4.790,80m^2 này. Trong thành phần thực hiện này bao gồm cả sự có mặt của phía Công ty CP Đ1 (gọi tắt là "Công ty Đ1").

Đến ngày 18/7/2022, ông liên hệ làm việc với UBND xã B và Ban Bồi thường của thành phố P thì nhận được hàng loạt văn bản, Quyết định đã ký vào nhiều năm trước:

- Quyết định 6891/QĐ-UBND của UBND thành phố P ký ngày 30/12/2021 về việc thu hồi đất.

- Quyết định 6163/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất.

- Thông báo 422/TB-BBTHT&TĐC của Ban bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện P, ký ngày 09/01/2020 về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Quyết định số 3509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất (nhận ngày 08/7/2022).

- Quyết định số 6241/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất (lô số 3);

- Quyết định số 6242/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất (lô số 4);

- Quyết định số 6812/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ tái định cư đối với tổng diện tích 493,68 m^2 (cho cả 2 lô số 3 và 4).

- Quyết định số 7155/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng.

- Quyết định số 6172/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 6729/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm.

- Quyết định số 7136/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 138/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng.

Các Quyết định trên của UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P là trái quy định pháp luật, trái với các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh K và ý kiến của cơ quan quản lý cấp trung ương; đồng thời thủ tục ban hành không đúng trình tự quy định của pháp luật về thu hồi. Cụ thể:

1. Căn cứ ban hành các quyết định trên là trái quy định pháp luật:

Các văn bản, quyết định nêu trên viện dẫn căn cứ pháp lý để tiến hành thu hồi đất của ông là trái với quy định pháp luật, không có cơ sở. Việc tổ chức thu hồi và tiến hành cưỡng chế các khu đất trên của ông là nhằm mục đích thực hiện dự án Khu du lịch do chính Nhà đầu tư (Công ty Đ1, với Công ty Đ1 là đơn vị phụ thuộc) đề xuất với mục đích kinh doanh và thu lợi. Do đó, không có cơ sở pháp lý.

2. UBND huyện P (nay là thành phố P) và Chủ tịch UBND thành phố P ban hành các quyết định trên không đúng theo trình tự về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư:

Lẽ ra, việc ban hành các Thông báo, Quyết định về kiểm đếm, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang phải được thực hiện theo đúng trình tự được quy định của pháp luật đất đai. Tuy nhiên, UBND huyện P (nay là thành phố P) và Chủ tịch UBND thành phố P đã không thực hiện đúng các trình tự nêu trên. Cụ thể, đến ngày 18/7/2022, ông mới nhận được hàng loạt các Thông báo và Quyết định đã liệt kê trên, mà hầu hết các văn bản này đã được ký vào năm 2019 và 2020. Điều này xâm phạm đến quyền khiếu nại và khởi kiện của ông trong suốt thời gian dài.

2.1. Vi phạm quy định về lập, niêm yết lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các Quyết định nêu trên của UBND tỉnh K.

Việc tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo hình thức tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi, đồng thời niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi. Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện những người có đất thu hồi.

Tuy nhiên việc tổ chức tiến hành của UBND thành phố P đã không thực hiện theo trình tự này, không lấy ý kiến của ông là người có đất bị thu hồi trong quá trình trên.

2.2. Vi phạm quy định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, niêm yết công khai và thông báo chi trả tiền, bàn giao mặt bằng.

UBND thành phố P không tiến hành công khai chi tiết về phương á bồi thường, hỗ trợ và tái định cư…để người dân có đất bị thu hồi kiểm tra, giám sát và so sánh thực hiện trạng đất.

2.3. Vi phạm quy định về thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo các Quyết định của UBND tỉnh nêu trên.

Suốt quá trình thực hiện, UBND thành phố P không công khai về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng thời không niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất thuộc phạm vi thu hồi cùng với quy chế bốc thăm

căn hộ, lô tái định cư và biên bản niêm yết công khai không có chữ ký của đại diện những người có nhà, đất thuộc phạm vi dự án. Theo tài liệu UBND thành phố P cung cấp, chỉ có quyết định về việc chi trả tiền bồi thường, thông báo chi trả tiền bồi thường, biên bản giao quyết định phê duyệt phương án, quyết định thu hồi đất mà không có thông báo về phương án, chính sách đối với nhà, đất tái định cư bố trí cho gia đình ông.

2.4. Liên quan đơn vị đầu tư dự án Khu du lịch: Ngoài việc thu hồi dựa trên đề xuất của Công ty Đ1 (đơn vị trực thuộc của Công ty Đ1), thì suốt thời gian qua, các đơn vị này tiến hành tổ chức giới thiệu, rao bán các sản phẩm là những lô đất nền của dự án. Trong khi đó, các khu đất của ông vẫn chưa được UBND thành phố P tổ chức thu hồi theo đúng quy định của pháp luật, và ông vẫn đang là người quản lý, sử dụng.

Yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung bồi thường về đất đai cho ông Trịnh Văn Đ;

- Hủy Quyết định số 6163/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 3509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất (đối với ông Trịnh Văn Đ); và tuyên bố hành vi cưỡng chế ngày 28/7/2022 (theo quyết định 3509) là trái pháp luật.

- Hủy Quyết định số 6241/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vi lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ)

- Hủy Quyết định số 6242/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ)

- Hủy Quyết định số 6812/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ tái định cư đối với tổng diện tích 493,68 m^2.

- Hủy Quyết định số 7155/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ)

- Hủy Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng;

- Hủy Quyết định số 6172/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6729/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm;

- Hủy Quyết định số 7136/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 138/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng.

Ý kiến của người bị kiện:

1. Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6241/QĐ-UBND, 6242/QĐ-UBND, 6172/QĐ-UBND, 6163/QĐ-UBND, ngày 25/12/2019, Quyết định số 7136/QĐ-UBND, 7155/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ; Hủy Quyết định số 6729/QĐ-UBND, 6812/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; Quyết định số 138/QĐ-UBND, 158/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trịnh Văn Đ:

Ngày 08/12/2017, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2678/QDD-UBND về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, tỷ lệ 1/2000, quy mô 169,32ha.

Ngày 19/12/2017, Phòng Q (nay là thành phố) Phú Quốc lập Biên bản số 27/BB-QLĐT về việc công bố đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch sinh thái và dân cư R, tỷ lệ 1/2000, quy mô 169,32ha tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/3/2018, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành 13 Thông báo thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R tại ấp R, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang (ông Đ đã ký nhận tất cả 13 thông báo thu hồi đất có danh sách ký nhận kèm theo).

Ngày 02/4/2018, UBND xã B phối hợp cùng Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư P tiến hành triển khai và niêm yết công khai 537 Thông báo thu hồi đất ngày 20/03/2018 của UBND huyện P. Cùng ngày 02/4/2018, UBND xã B ban hành Thông báo số 15/TB-UBND về việc phát trên Trạm Truyền thanh xã Bãi Thơm đối với 537 Thông báo thu hồi đất ngày 20/03/2018 của UBND huyện P (trong đó có các thông báo thu hồi đất của ông Trịnh Văn Đ).

Ngày 11/4/2018, Ban Q1 ban hành Quyết định số 81/QĐ-BQLKKTPQ về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang, quy mô 1.735.295,67m^2.

Từ ngày 9/4/2018 đến ngày 23/4/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiến hành lập Biên bản kiểm kê diện tích đất đai, cây trồng, vật kiến trúc trên thửa đất ông Trịnh Văn Đ (ông Đ thống nhất và ký vào biên bản kiểm kê).

Ngày 07/11/2018, Phòng Q2 số 33/BB-QLĐT về việc công bố đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu du lịch sinh thái và dân cư R, quy mô 1.735.295,67m^2 tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

Ngày 22/3/2019, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 646/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện P, tỉnh Kiên Giang;

Ngày 19/7/2019, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Thông báo số 513/TB-UBND thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R tại ấp R, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang (ông Đ đã ký nhận các thông báo thu hồi đất).

Ngày 20/8/2019, UBND xã B ban hành Thông báo số 60/TB-UBND về việc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực quy hoạch xây dựng dự án du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 20/8/2019, Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực quy hoạch xây dựng dự án du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 29/8/2019, Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư P phối hợp cùng Hội đồng UBND xã B tiến hành lập Biên bản lấy ý kiến các hộ dân về việc dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực quy hoạch xây dựng dự án du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05/9/2019, Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ban hành Báo cáo số 210A/BC-BBT về kết quả niêm yết, phát phiếu tham khảo lấy ý kiến các hộ dân trong khu vực quy hoạch dự án du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12/9/2019, Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tiến hành lập Biên bản kết thúc niêm yết dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực quy hoạch xây dựng dự án du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc banh hành Quyết định số 6123/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R, tại xã B, huyện P. Cùng ngày UBND huyện P ban hành các Quyết định thu hồi đất số 6241/QĐ-UBND,

6242/QĐ-UBND, 6172/QĐ-UBND, 6163/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 thu hồi đất tổng diện tích 5.341,5m² đối với ông Trịnh Văn Đ.

Ngày 27/12/2019, UBND xã B tiến hành niêm yết các quyết định thu hồi đất trên của ông Trịnh Văn Đ (có Biên bản niêm yết kèm theo).

Ngày 27/12/2019, UBND xã B ban hành Thông báo số 116/TB-UBND về việc thông báo rộng rãi trên trạm truyền thanh xã B 349 Quyết định thu hồi đất tại dự án khu D, tại xã B, huyện P (trong đó có các quyết định thu hồi đất trên của ông Trịnh Văn Đ).

Ngày 30/12/2019, UBND huyện P ban hành Quyết đinh số 6718/QĐ-UBND, 6729/QĐ-UBND, và 6812/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ suất tái định cư cho ông Trịnh Văn Đ với tổng số tiền 4.902.271.190 đồng (Bảng tổng hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo).

Ngày 28/12/2020, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc banh hành Quyết định số 7193/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân thuộc dự án khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch T, tại xã B, huyện P. Cùng ngày, UBND huyện (nay là thành phố) P ban hành các quyết định thu hồi đất số 7136/QĐ-UBND và quyết định thu hồi đất số 7155/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tổng diện tích 3.585,9m² đối với ông Trịnh Văn Đ.

Ngày 13/01/2021, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 138/QĐ-UBND và 158/QĐ-UBND về việc hỗ trợ về đất đai, cây trồng cho ông Trịnh Văn Đ với tổng số tiền 410.265.144 đồng (Bảng tổng hợp số tiền hỗ trợ và kèm theo).

Ngày 30/12/2021, UBND thành phố P banh hành Quyết định số 6889/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R, tại xã B, huyện P. Cùng ngày, UBND thành phố P ban hành các quyết định thu hồi đất số 6891/QĐ-UBND thu hồi tổng diện tích 33,32m² đối với ông Trịnh Văn Đ.

Ngày 20/01/2022, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND về việc bổ sung bồi thường về đất đai cho ông Trịnh Văn Đ với tổng số tiền 14.727.440 đồng (Bảng tổng hợp số tiền hỗ trợ kèm theo).

Như vậy quá trình lập phương án thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ từ khi phê duyệt chủ trương, đến khi thông báo thu hồi đất, ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đảm bảo đúng trình tự thủ tục, quy định của pháp luật.

Từ cơ sở trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 6241/QĐ-UBND, 6242/QĐ-UBND, 6172/QĐ-UBND, 6163/QĐ-UBND, ngày 25/12/2019, quyết định số 7136/QĐ-UBND, 7155/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 và quyết định số 6891/QĐ-UBND

ngày 30/12/2021 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ; Hủy quyết định số 6729/QĐ-UBND, 6812/QĐ-UBND ngày 30/12/2019; quyết định số 138/QĐ-UBND, 158/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND thành phố P về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trịnh Văn Đ.

2. Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 3509/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ:

Ngày 20/3/2018, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Thông báo thu hồi đất số 269/TB-UBND và Thông báo thu hồi đất số 270/TB-UBND đối với ông Trịnh Văn Đ để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R tại ấp R, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc banh hành Quyết định số 6123/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R, tại xã B, huyện P. Cùng ngày, UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc ban hành Quyết định thu hồi đất số 6163/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng đối với ông Trịnh Văn Đ tại dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R diện tích 4.790,8m².

Ngày 27/12/2019, UBND xã B tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất số 6163/QĐ-UBND của UBND huyện P ngày 25/12/2019.

Ngày 27/12/2019, UBND xã B ban hành Thông báo số 116/TB-UBND về việc thông báo rộng rãi trên trạm Truyền thanh xã B 349 Quyết định thu hồi đất ngày 25/12/2019 của UBND huyện P để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R. Trong đó có quyết định thu hồi đất số 6163/QĐ-UBND của ông Trịnh Văn Đ.

Ngày 30/12/2019, UBND huyện P ban hành Quyết định số 6718/QĐ-UBND về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ suất tái định cư cho ông Trịnh Văn Đ với tổng số tiền 3.490.591.450 đồng (Bảng tổng hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư kèm theo).

Ngày 12/4/2021, Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành triển khai và lập Biên bản triển khai Thông báo số 252/TB-BBTHT&TĐC ngày 09/4/2021 của Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trịnh Văn Đ, ông Đ đã ký nhận Thông báo số 252/TB-BBTHT&TĐC về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trịnh Văn Đ, tuy nhiên ông Đ không đồng ý với số tiền bồi thường;

Ngày 09/12/2021, Hội đồng UBND xã B tiến hành Biên bản vận động thuyến phục ông Trịnh Văn Đ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và bàn

giao mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R (lần 1).

Ngày 20/06/2022, Hội đồng UBND xã B tiến hành Biên bản vận động thuyến phục ông Trịnh Văn Đ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và bàn giao mặt bằng cho nhà nước để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R (lần 2).

Qua hai lần vận động ông Trịnh Văn Đ đều biết các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ông Đ đã biết đã nhận các quyết định trên. Tuy nhiên ông Đ không đồng ý nhận tiền và không bàn giao đất cho nhà nước thực hiện dự án (có Biên bản vận động kèm theo).

Ngày 20/06/2022, UBND xã B ban hành Báo cáo số 32/BC-UBND về quá trình vận động ông Trịnh Văn Đ nhận tiền bồi thường hỗ tợ và tái định cư, bàn giao đất để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R. Nội dung ông Trịnh Văn Đ tham dự buổi vận động, không thống nhất nhận tiền, không bàn giao đất cho nhà nước thực hiện dự án.

Ngày 29/06/2022, Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P ban Bản đề nghị số 121/ĐN-BBT về việc ban hành Quyết định cưỡng chế đối với ông Trịnh Văn Đ tại dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R.

Ngày 05/7/2022, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ.

Ngày 07/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3677/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ.

Thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ, Ban thực hiện cưỡng phối hợp với UBND và đoàn thể xã B tổ chức vận động ông Trịnh Văn Đ chấp hành quyết định thu hồi đất và bàn giao đất cho nhà nước. Tuy nhiên ông Đ không nhận giấy mời, không tham gia vận động cùng B thực hiện cưỡng chế (có giấy mời vận động và Biên bản vận động ông Trịnh Văn Đ vắng mặt kèm theo).

Ngày 26/7/2022, Ban Thực hiện cưỡng chế có thông báo số 01/TB-BTHCC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ, thời gian thực hiện vào ngày 28/7/2022 (kèm theo Biên bản triển khai, niêm yết).

Ngày 28/7/2022, Ban Thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thu hồi đất diện tích 4.790,8m² đối với ông Trịnh Văn Đ theo đúng quy định pháp luật.

Như vậy về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm năm 2013. Từ cơ sở trên Chủ tịch UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH Đ2 **(sau đây gọi tắt là** City H1**) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào các nội dung trả lời của UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ và giữ nguyên các Quyết định mà Ủy ban nhân dân huyện P (nay là UBND thành phố P) và Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trịnh Văn Đ.

2. Công ty Cổ phần Đ1 **(gọi tắt là CityLand –** P**) do người đại diện hợp pháp trình bày:**

Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và căn cứ vào các nội dung trả lời của UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ và giữ nguyên các Quyết định mà Ủy ban nhân dân huyện P (nay là UBND thành phố P) và Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất và hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trịnh Văn Đ.

3. Công ty TNHH Đ1 **(gọi tắt là CityLand) do người đại diện hợp pháp trình bày:**

Công ty Cổ phần Đ1 (Mã số doanh nghiệp: 1701975704) là một pháp nhân độc lập, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và con dấu riêng. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch T, tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang được cấp cho Công ty TNHH MTV Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ1 - Đảo P). Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Công ty Cổ phần Đ1 có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đầu tư Khu D.

Công ty TNHH Đ1 (Mã số doanh nghiệp: 0302980690) và Công ty Cổ phần Đ1 - Đảo P là các pháp nhân độc lập, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của mình theo Luật Doanh nghiệp 2020. Chính vì vậy, Công ty TNHH Đ1 không có bất kỳ quyền lợi và nghĩa vụ nào liên quan đến các nội dung khởi kiện và các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Trịnh Văn Đ và người bị kiện là UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Công ty TNHH Đ1 kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ kiện và các yêu cầu của người khởi kiện để từ đó xác định Công ty TNHH Đ1 không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2024/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 356; Điều 358; Điều 359 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ các Điều 62, 63, 66, 67, 69, 75, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung bồi thường về đất đai cho ông Trịnh Văn Đ;

- Hủy Quyết định số 6163/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6718/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của UBND huyện P về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ xuất tái định cư cho ông Trịnh Văn Đ;

- Hủy Quyết định số 3509/QĐ-UBND, ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ và tuyên bố hành vi cưỡng chế ngày 28/7/2022 (theo quyết định 3509) là trái pháp luật, khôi phục hiện trạng và bồi thường thiệt hại cho ông Đ;

- Hủy Quyết định số 6241/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vi lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6242/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6812/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ tái định cư đối với tổng diện tích 493,68 m^2;

- Hủy Quyết định số 7155/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng;

- Hủy Quyết định số 6172/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6729/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm;

- Hủy Quyết định số 7136/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 138/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/5/2024, ông Trịnh Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của người khởi kiện, cụ thể đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, vì cho rằng: Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi của ông 07 lô đất mà ông chỉ được nhận bồi thường có 02 nền đất tái định cư là trái pháp luật; Việc tiến hành cưỡng chế đã vượt quá phạm vi cưỡng chế, không có việc Ủy ban nhân dân thành phố P tiến hành cưỡng chế sai trái thì khởi kiện bằng một vụ án hành chính khác.

Việc thu hồi đất không dựa trên căn cứ "kế hoạch sử dụng đất" do Hội đồng nhân dân tỉnh K duyệt. Phía người bị kiện chỉ dựa trên quyết định số 1197/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ký ngày 19/5/2005 để cho rằng đây là căn cứ thu hồi đất. Nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng vì Ủy ban nhân dân thành phố P thu hồi đất chỉ dựa vào kế hoạch năm 2019, dựa vào quy hoạch chung của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, căn cứ thu hồi đất của ông Đ là không phù hợp, quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố P là theo đề nghị của Công ty Đ1, đây không phải là lợi ích quốc gia. Thực tế việc thu hồi đất để thực hiện dự án "Khu du lịch sinh thái và dân cư Rạch Tràm" do Công ty Cổ phần Đ1 làm chủ đầu tư nhằm mục đích kinh doanh không phải để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích công cộng.

Quyết định số 3509/QĐ-UBND, ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ chỉ tiến hành trong phạm vi phần đất diện tích 4.790,80 m^2. Hành vi cưỡng chế ngày 28/7/2022 (theo quyết định 3509) là trái pháp luật, vượt quá phạm vi nhiệm vụ được giao, phải khôi phục hiện trạng và bồi thường thiệt hại đối với phần đất ông đang quản lý và hành vi chặt phá cây trồng cho ông Đ.

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm chưa tổ chức buổi công khai, tiếp cận chứng cứ và đối thoại theo quy định. Từ đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố P, Chủ tịch UBND thành phố P trình bày: UBND thành phố P căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất của thành phố P, căn cứ quy hoạch để ra quyết định thu hồi. UBND thành phố P cưỡng chế trong phạm vi quyết định cưỡng chế. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Thành phố Đ1 (CityLand) có ý kiến hiện nay phía Công ty đã được bàn giao đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo, bản án sơ thẩm giải quyết là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn Đ là hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Thời hiệu khởi kiện:

Ông Trịnh Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy quyết định về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và hủy các quyết định bồi thường, bổ sung bồi thường, hỗ trợ,… đối với ông Đ là khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, cưỡng chế thu hồi

đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Kể từ ngày ông Đ nhận được các quyết định đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm, còn thời hiệu khởi kiện theo quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ thu hồi đất:

Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định: số 1197/QĐ-TTg, ngày 09/11/2005 phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2020; số 633/QĐ-TTg, ngày 11/5/2010 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; số 31/2013/QĐ-TTg, ngày 22/5/2013 về việc thành lập Khu K, tỉnh Kiên Giang đối với diện tích đất tự nhiên của Khu K là 58.923 ha, trong đó có khu du lịch, khu dân cư tại xã B; số 486/QĐ-TTg, ngày 30/3/2021 phê duyệt điều chỉnh cục bộ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo P, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.

UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2179/QĐ-UBND, ngày 29/9/2016 về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện P, tỉnh Kiên Giang, ban hành kèm theo Phụ lục danh mục dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2016, trong đó có hạng mục Khu du lịch sinh thái (Công ty TNHH MTV Đ1) diện tích 173 ha.

Theo đó, Ban Q1 ban hành Quyết định chủ trương đầu tư số 191/QĐ-BQLKKTPQ ngày 26/7/2017 chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH MTV Đ1 - Đảo P thực hiện dự án.

Ngày 08/12/2017, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2678/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng khu du lịch sinh thái và dân cư R tại xã B, thành phố P, tỷ lệ 1/2000, quy mô 169,32 ha.

Ngày 19/3/2021, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND *"V/v phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của* thành phố P, tỉnh Kiên Giang*"*.

Dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư R do Công ty Cổ phần Đ1 (đã được Ban Q1 quyết định chủ trương đầu tư số 191/QĐ-BQLKKTPQ ngày 26/7/2017, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 100/QĐ-BQLKKTPQ ngày 31/5/2022) làm chủ đầu tư tại xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang có quy mô 169,32 ha mang tính chất là khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp và khu dân cư làng chài hiện hữu, khu dân cư làng chài mới, khu tái định cư, khu thương mại dịch vụ và vui chơi giải trí, công trình dịch vụ công cộng,… nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của P theo quy hoạch chung đảo P đã được phê duyệt theo Quyết định số 1197/QĐ-TTg, Quyết định số 633/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố P được UBND tỉnh K phê duyệt. Đây là dự án nằm trong Khu kinh tế đã được Thủ tướng Chính phủ

quyết định tại Quyết định số 31/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 về việc thành lập Khu kinh tế P.

Căn cứ sơ đồ giải thửa thì diện tích đất của ông Trịnh Văn Đ thuộc diện tích đất quy hoạch làm dự án Khu du lịch sinh thái và dân cư R do Công ty Đ1 làm chủ đầu tư.

Từ những căn cứ này, ngày 25/12/2019, UBND huyện P ban hành các Quyết định thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ gồm: số 6241/QĐ-UBND, 6242/QĐ-UBND, 6172/QĐ-UBND, 6163/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 thu hồi đất tổng diện tích 5.341,5m²; số 7136/QĐ-UBND, số 7155/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất tổng diện tích 3.585,9m²; số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc thu hồi tổng diện tích 33,32m² để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng là phù hợp với khoản 2 Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, ý kiến của ông Đ và của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Đ cho rằng việc thu hồi đất nhằm mục đích thương mại giao cho nhà đầu tư phân lô, bán nền, trái với quyết định hành chính của cơ quan cấp trên để yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất là không có căn cứ.

[2.2] Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định thu hồi đất:

Diện tích đất 9.952,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm tại ấp R, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang là thuộc quyền sử dụng của ông Trịnh Văn Đ, đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 3 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Để thực hiện việc thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ, UBND thành phố P đã ban hành các Thông báo thu hồi đất gồm: số 190/TB-UBND; số 191/TB-UBND; số 269/TB-UBND; số 270/TB-UBND; số 278/TB-UBND; số 278/TB-UBND; số 353/TB-UBND cùng ngày 20/3/2018; số 513/TB-UBND ngày 19/7/2019; số 1116/TB-UBND ngày 25/11/2020, trong đó thể hiện nội dung kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đối với phần diện tích dự kiến thu hồi để thực hiện dự án, các Thông báo thu hồi đất được giao cho ông Đ (các BL số 313, 315, 318). Trước đó 537 thông báo thu hồi đối với các hộ dân trong dự án đã được thông tin trên phương tiện Trạm truyền thanh xã nơi có dự án (BL số 308), được xem như Thông báo thu hồi đất đã được triển khai cho người có đất bị thu hồi trước 90 ngày trước khi quyết định thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013.

Theo nội dung thông báo thu hồi đất, các ngày 09/4/2018, 14/4/2018, 15/4/2018, 23/4/2018, 02/8/2019, Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư tiến hành lập Biên bản kiểm kê diện tích đất đai, cây trồng, vật kiến trúc đối với diện tích đất dự kiến thu hồi của ông Trịnh Văn Đ, ở phần chủ hộ thể hiện người ký là ông Trịnh Văn Đ.

Theo đó, UBND huyện P ban hành các Quyết định thu hồi đất số 6241/QĐ-UBND, 6242/QĐ-UBND, 6172/QĐ-UBND, 6163/QĐ-UBND ngày

25/12/2019; số 7136/QĐ-UBND, 7155/QĐ-UBND ngày 28/12/2020; số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ.

Như vậy, UBND thành phố P đã thực hiện việc thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 66, Điều 67, khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T5 *"V/v quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất"*, nên ông Đ và Luật sư cho rằng quyết định thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục là không có cơ sở.

[2.3] Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định bồi thường, bổ sung bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất:

Căn cứ các quyết định của UBND tỉnh K gồm: số 03/2020/QĐ-UBND ngày 13/01/2020 về việc ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020 – 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quyết định về giá đất cụ thể tính tiền bồi thường quyền sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất đối với dự án Khu D tại xã B, thành phố P; số 2737/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 quy định về chính sách hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất; số 26/2020/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa ban tỉnh Kiên Giang; số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 quy định về Bảng giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; số 940/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 Ban hành quy định về đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình và các vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; số 05/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 quy định về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, đây là các quyết định đang có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ,… cho ông Trịnh Văn Đ là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

UBND thành phố P ban hành các Quyết định số 6718/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019; số 324/QĐ-UBND, ngày 20/01/2022; số 6812/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019; số 158/QĐ-UBND ngày 13/01/2021; số 6729/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019; số 138/QĐ-UBND, ngày 13/01/2021 về việc bồi thường đất đai, cây trồng, vật kiến trúc, chi phí di chuyển, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống cho ông Trịnh Văn Đ là đúng đối tượng, đúng diện tích đất, vật kiến trúc trước đó đã được ghi nhận, phù hợp quy định tại các Điều 75, 83, 84 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Số tiền ông Đ được bồi thường, hỗ trợ,… UBND thành phố P đã thông báo đến ông Đ nhưng không đến nhận (BL số 237, 238), nên đã được gửi vào tài khoản tạm giữ tại kho bạc Nhà nước P là phù hợp với khoản 3 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

[2.4]. Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3509: Ông Đ cho rằng việc tổ chức cưỡng chế thu hồi khu đất có diện tích 4.790,80 m^2 nhưng diện tích bị cưỡng chế nhiều hơn so với diện tích theo quyết định cưỡng chế là 825,03 m^2.

Xét thấy: UBND huyện P ban hành Quyết định số 6163/QĐ- UBND, ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất của ông Trịnh Văn Đ diện tích 4.790,80 m^2 loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 39, tờ bản đồ số 8 tại ấp R, xã B, huyện P. Qua hai lần vận động ông Đ đều biết các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và đã nhận các quyết định trên. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý nhận tiền và không bàn giao đất cho nhà nước thực hiện dự án (có Biên bản vận động).

Do đó, ngày 20/06/2022, UBND xã B ban hành Báo cáo số 32/BC-UBND về quá trình vận động ông Đ nhận tiền bồi thường hỗ tợ và tái định cư, bàn giao đất để thực hiện dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R. Nội dung thể hiện ông Đ tham dự buổi vận động, nhưng không thống nhất nhận tiền, không bàn giao đất cho nhà nước thực hiện dự án. Ngày 29/06/2022, Ban Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố P ban hành Bản đề nghị số 121/ĐN-BBT về việc ra Quyết định cưỡng chế đối với ông Trịnh Văn Đ tại dự án khu du lịch sinh thái và dân cư R. Ngày 05/7/2022, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ. Ngày 07/7/2022, Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3677/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Đ. Thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Đ, Ban thực hiện cưỡng phối hợp với UBND và đoàn thể xã B tổ chức vận động ông Đ chấp hành quyết định thu hồi đất và bàn giao đất cho nhà nước. Tuy nhiên ông Đ không nhận giấy mời, không tham gia vận động cùng B thực hiện cưỡng chế (có giấy mời vận động và Biên bản vận động ông Trịnh Văn Đ vắng mặt kèm theo). Ngày 26/7/2022, Ban Thực hiện cưỡng chế có thông báo số 01/TB-BTHCC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ, thời gian thực hiện vào ngày 28/7/2022 (kèm theo Biên bản triển khai, niêm yết). Ngày 28/7/2022, Ban Thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thu hồi đất diện tích 4.790,8m² đối với ông Đ theo đúng quy định pháp luật. Như vậy, về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 3509/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm năm 2013.

Ông Đ cho rằng diện tích thực tế bị cưỡng chế nhiều hơn so với diện tích theo quyết định bị cưỡng chế là 825,03 m^2. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/3/2023 của TAND tỉnh Kiên Giang thể hiện ông Đ thống nhất về diện tích và các thửa đất bị thu hồi theo các quyết định thu hồi đất của U, ngoài ra phần diện tích 825,03 m^2 mà ông Đ cho rằng bị cưỡng chế thêm thì hiện trạng có 03 cây Dừa đã chết, 01 gốc Tràm bông vàng lớn đường kính 60 cm đã bị chặt nhưng phần diện tích này hiện nay vẫn là đất trống chưa ai sử dụng và đến thời điểm hiện nay đối với diện tích 825,03 m^2 không có quyết định thu hồi hay cưỡng chế, về phía U khẳng định ngày 28/7/2022 Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế đúng với diện tích theo trong quyết định cưỡng chế là

4.790,8 m^2. Như vậy, phần diện tích ông Đ cho rằng bị cưỡng chế nhiều hơn là không có cơ sở để xem xét và không có căn cứ cho rằng hành vi cưỡng chế là trái pháp luật.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, phía người khởi kiện không xuất trình được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Ý kiến của người khởi kiện không được chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trịnh Văn Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính;

Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trịnh Văn Đ.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 60/2024/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn Đ về việc yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 6891/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND thành phố P, tỉnh Kiên Giang về việc bổ sung bồi thường về đất đai cho ông Trịnh Văn Đ;

- Hủy Quyết định số 6163/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6718/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của UBND huyện P về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ xuất tái định cư cho ông Trịnh Văn Đ;

- Hủy Quyết định số 3509/QĐ-UBND, ngày 05/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Trịnh Văn Đ và tuyên bố hành vi cưỡng chế ngày 28/7/2022 (theo quyết định 3509) là trái pháp luật, khôi phục hiện trạng và bồi thường thiệt hại cho ông Đ;

- Hủy Quyết định số 6241/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vi lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6242/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6812/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề, bồi thường cây trồng, vật kiến trúc, hỗ trợ tái định cư đối với tổng diện tích 493,68 m^2;

- Hủy Quyết định số 7155/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 158/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng;

- Hủy Quyết định số 6172/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 6729/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 30/12/2019 về việc bồi thường quyền sử dụng đất, hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm;

- Hủy Quyết định số 7136/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 28/12/2020 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (đối với ông Trịnh Văn Đ);

- Hủy Quyết định số 138/QĐ-UBND của UBND huyện P, ký ngày 13/01/2021 về việc hỗ trợ về đất, cây trồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Văn Đ phải nộp án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0006294 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang, ông Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS, TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt